TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST Ngày 25/02/2021 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Bảy; 2. Ông Lê Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Dương – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện VKS nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Trường – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H – Sinh năm: 1995 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Bá Th – Sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2020 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Như Xuân, chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Th kết hôn với nhau vào năm 2015, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân cấp ngày 23/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong quá trình chung sống do anh Th ham chời bới, ít quan tâm đến gia đình và vợ con nên anh

chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại và Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018 đến nay không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Th để anh chị chấm dứt tình trạng hôn nhân này; *Về con chung:* Vợ chồng anh chị không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung, là cháu: Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì và hiện nay đang sinh sống cùng chị H tại thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Minh A đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên toà chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Bá Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau vào năm 2015, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân cấp ngày 23/7/2015. Anh – chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh không chịu khó làm ăn, ít quan tâm đến gia đình, chơi bời quá đà dẫn đến nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhỏ trong gia đình. Tuy nhiên, sau đó anh đã biết lỗi và xin vợ cũng như hai bên gia đình nội ngoại tha thứ để có cơ hội làm lại và đã được mọi người trong gia đình bỏ qua, đến nay đã tu chí làm ăn, lo cho cuộc sống gia đình. Do anh phải đi làm ăn xa nhà còn chị H làm việc cho Công ty may bên Ngọc Lặc ở gần nhà ngoại nên khoảng tháng 5 năm 2018 anh đã thống nhất cho con gái là cháu Lê Thị Minh A qua nhà ông bà ngoại ở thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa sinh sống và ăn học cho gần mẹ cháu, cũng từ đó đến nay anh chị đã sống ly thân nhau, vợ chồng ít gặp nhau và cũng ít quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay cô H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn; *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa anh và chị H không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung, là cháu: Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì và hiện nay đang sinh sống cùng chị H tại thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh

Hóa. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Th có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Minh A đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng; *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Anh Lê Bá Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi các đương sự đang sinh sống và cư trú:

Trưởng thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Th kết hôn với nhau năm 2015, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân cấp ngày 23/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, do mâu thuẫn gia đình nên đến khoảng tháng 5 năm 2018 chị H cùng cháu Lê Thị Minh A (là con chung của chị H và anh Th) đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Hiện nay giữa chị H và anh Th đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Vì vậy, theo quan điểm của địa phương là đề nghị Tóa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nếu xét thấy vợ chồng không thể quay về đoàn tụ thì nên thống nhất cho chị H và anh Th ly hôn để giải thoát cho nhau; *Về con chung:* Chị H và anh Th có với nhau 01 con chung, là cháu: Lê Thị Minh A; Gới tính: Nữ; Sinh ngày: 29/4/2016. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cả chị H và anh Th đều yêu thương, chăm sóc và đối xử tốt với cháu Minh A, không ai đánh đập hay bạo hành gì cháu. Tuy nhiên, hiện nay cháu Minh A đang sống cùng chị H tại thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa và cháu luôn được chị H cũng như gia đình chị H chăm sóc tốt cho cháu, được ăn học, vui chơi như bao đứa trẻ khác. Mặt khác, chị H là người khỏe mạnh, có tư cách đạo đức tốt, chăm chỉ làm ăn và hiện nay đang làm việc ổn định và thường xuyên tại Công ty may đóng trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa nên cũng có mức thu nhập ổn định, có thể lo cho cuộc sống gia đình, con cái, đồng thời chị H cũng có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A. Vì vậy, địa phương xét thấy việc giao cháu Lê Thị Minh A cho chị H là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng sẽ đảm bảo mọi yếu tốt khách quan và cho cháu có một cuộc sống tốt nhất; *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Trong vụ án này chị H và anh Th không có đề nghị gì nên địa phương không có ý kiến gì khác.

Trưởng thôn 8, xã Xuân Hòa và cán bộ Tư pháp xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Th kết hôn với nhau năm 2015, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân cấp ngày 23/7/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyện không ai bị ép buộc, lừa đối. Trước khi kết hôn với nhau anh Th là công dân của địa phương xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; còn chị H là người địa phương thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn với nhau, vợ chồng về sinh sống tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Theo địa phương nắm được, do anh Th là lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định nên thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới trở về địa phương thăm gia đình. Mặt khác, do anh Th tuổi đời còn trẻ, ham chời bới, ít quan tâm đến gia đình và vợ con nên anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Tuy địa phương chưa phải tiến hành hòa giải hoặc được các bên yêu cầu hòa giải nhưng xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh Th và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó có thể hàn gắn để vợ chồng quay về đoàn tụ, bởi giữa chị H và anh Th đã ly thân nhau từ lâu (khoảng hơn 2 năm nay), không ai quan tậm, chăm sóc gia đình chung. Vì vậy, theo quan điểm của địa phương là đề nghị Tóa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nếu xét thấy vợ chồng không thể quay về đoàn tụ thì nên thống nhất cho chị H và chị Th ly hôn để giải thoát cho nhau; *Về con chung:* Giữa chị H và anh Thể có với nhau 01 con chung, là cháu: Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì và hiện nay đang sinh sống cùng chị H tại thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Theo địa phương nắm được, quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cả chị H và anh Th đều yêu thương, chăm sóc và đối xử tốt với cháu Minh A, không ai đánh đập hay bạo hành gì cháu. Tuy nhiên, do anh Th không có công ăn, việc làm ổn định nên thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới trở về địa phương; còn chị H là người khỏe mạnh, hiện nay đang làm việc ổn định và thường xuyên tại Công ty may đóng trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa nên cũng có mức thu nhập ổn định, có thể lo cho cuộc sống gia đình, con cái. Mặt khác, hiện nay cháu Minh A đang sống cùng chị H tại thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa và cháu luôn được chị H cũng như gia đình chị H chăm sóc tốt cho cháu, được ăn học, vui chơi như bao đứa trẻ khác. Vì vậy, địa phương xét thấy việc giao cháu Lê Thị Minh A cho chị H là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng sẽ đảm bảo mọi yếu tốt khách quan và cho cháu có một cuộc sống tốt nhất. Bởi chị H là người có tư cách đạo đức tốt, đồng thời chị H cũng có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A; *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Trong vụ án này chị H và anh Th không có đề nghị gì nên địa phương không có ý kiến gì khác.

* Phần tranh luận: Chị H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân với nhau từ lâu, không còn khả năng đoàn tụ nên tha thiết đề nghị HDXX cho được ly hôn với anh Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của Đương sự tại phiên tòa cho thấy chị H và anh Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được coi là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh Th, mâu thuẫn đã trầm trọng, đã sống ly thân thời gian dài nên không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Bá Th; Về con chung: Giữa chị H và anh Th có với nhau 01 con chung, là cháu: Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi các đương sự đang sinh sống, xét thấy chị H là người khỏe mạnh, có công việc và chỗ ở ổn định, chăm chỉ làm ăn tạo thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình, có tư cách đạo đức tốt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao Lê Thị Minh A cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Về mức cấp dưỡng: Đề nghị anh Th phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản và nghĩa vụ chung: Trong vụ án này các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án thấy rằng bị đơn anh Lê Bá Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú, sinh sống, làm việc tại xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Lê Bá Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình trốn tránh, vắng mặt tại phiên tòa xét xử (lần thứ 2) không có lý do chính đáng nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Bá Th kết hôn với nhau theo đúng nghi thức và đăng ký chứng nhận kết hôn tại UBND xã Xuân H, huyện Như Xuân ngày

23/7/2015. Căn cứ vào Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình thì chị H và anh Th đủ điều kiện kết hôn với nhau, thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên từ năm 2018 đến nay mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, sống ly thân với nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Th không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh Th là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, giữa chị H và anh Th có 01 con chung, là cháu Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì và cháu đang sống cùng chị H tại thôn Minh Hòa, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay cháu Lê Thị Minh A chưa đủ tuổi trưởng thành nên cần được sự chăm sóc của cả bố lẫn mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Thị Minh A hiện đang sống ổn định cùng chị H, tại phiên tòa chị H có nguyện vọng tha thiết xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại địa phương thì anh Th thường xuyên vắng nhà, chơi bời, không chịu khó làm ăn, bỏ bê công việc, không chăm lo đến gia đình và con chung; còn chị H là người khỏe mạnh, có công việc và chỗ ở ổn định, chăm chỉ làm ăn tạo thu nhập để trang trải cuộc sống gia đình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của chị H, giao cháu Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về mức cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Minh A mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Căn cứ vào điều kiện thu nhập thực tế của anh Th cũng như mức chi tiêu trong việc sinh hoạt hàng tháng của cháu Lê Thị Minh A, Hội đồng xét xử chấp nhận mỗi tháng anh Lê Bá Th phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh chị không ai được ngăn cấm theo Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4] Về án phí và Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị H có trách nhiệm phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng; Bị đơn anh Lê Bá Th chịu án phí dân sự (cấp dưỡng nuôi con) là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 19, 24, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm a và b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 69, 70, 71, 72, 73, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, 19, 24, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Bá Th.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Minh A - Gới tính: Nữ - Sinh ngày: 29/4/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Bá Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lê Thị Minh A mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 03 năm 2021.

Anh Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

*Về tài sản và nghĩa vụ chung**:*** Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0012141, ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Như vậy, chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí; Anh Lê Bá Th phải chịu án phí dân sự (cấp dưỡng nuôi con) là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Chi cục THADS huyện Như Xuân;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn